

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Về kết quả kinh doanh năm 2025, kế hoạch kinh doanh năm 2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ĐHĐCĐ)

Tổng Giám đốc xin báo cáo ĐHCĐ kết quả kinh doanh năm 2025, kế hoạch kinh doanh năm 2026 như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1. Thuận lợi

- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi mạnh mẽ trong năm 2025 với mức GDP đạt 8,02%, đưa quy mô nền kinh tế vượt mốc 514 tỷ USD, tạo nền tảng vững chắc cho hoạt động thương mại và logistics.
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đạt 38,42 tỷ USD. Vốn FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm, tập trung vào các ngành điện tử, công nghệ cao. Làn sóng đầu tư sản xuất này làm gia tăng mạnh nhu cầu kho bãi, vận chuyển linh kiện, nguyên liệu và phân phối thành phẩm.
- Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt kỷ lục hơn 920 tỷ USD, tăng khoảng 16,9% so với năm 2024, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 15 nền kinh tế có quy mô thương mại lớn nhất thế giới, thúc đẩy nhu cầu vận tải và dịch vụ logistics ở nhiều phân khúc.
- Ngành logistics hàng không, sản lượng vận chuyển hàng hóa quốc tế qua các sân bay Việt Nam ước đạt 1,3 triệu tấn, tăng 24,6% so với năm 2024.

1.2. Khó khăn

- Hoạt động xuất khẩu của nhiều ngành đang chịu tác động mạnh từ biến động kinh tế toàn cầu, xu hướng gia tăng bảo hộ thương mại, cùng với các yêu cầu ngày càng khắt khe về môi trường, lao động và truy xuất nguồn gốc.
- Dưới áp lực chi phí logistics tăng cao và yêu cầu tối ưu hóa hiệu quả vận hành, các khách hàng lớn như SEV và SDV đã áp dụng nhiều biện pháp siết chặt như ưu tiên hàng nội địa, tối ưu phương thức vận chuyển.

2. Kết quả kinh doanh 2025

2.1. Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025			
			Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)	So cùng kỳ 2024 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)
ALS - HỢP NHẤT						
1	TỔNG DOANH THU	1000 đ	1.852.272.799	2.301.155.071	124%	130%
2	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	1.219.979.160	1.350.999.238	111%	114%
3	LNTT	1000 đ	632.293.638	950.155.832	150%	161%
4	LNST	1000 đ	575.414.111	854.019.508	148%	163%
ALS RIÊNG						
1	TỔNG DOANH THU	1000 đ	299.749.822	330.982.346	110%	110%
2	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	85.268.426	83.898.823	98%	100%
3	LNTT	1000 đ	214.481.396	247.083.523	115%	114%
4	LNST	1000 đ	214.481.396	243.083.308	113%	113%
5	VỐN ĐIỀU LỆ	1000 đ	1.102.723.680	1.102.723.680	100%	100%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán quốc tế)

Chỉ tiêu tài chính	BCTC hợp nhất	
	Năm 2024	Năm 2025
1. Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	5,74	6,24
Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)	5,74	6,23
2. Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,10	0,13
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,11	0,14
3. Năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	0,59	0,66
4. Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /doanh thu thuần	0,31	0,43
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	0,20	0,29
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	0,18	0,25

- Các chỉ số về khả năng thanh toán trong báo cáo hợp nhất của công ty tăng so với cùng kỳ chủ yếu do công ty tích lũy được tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn

hạn trong một năm có kết quả kinh doanh tích cực. Chỉ số về khả năng thanh toán ở mức cao, đảm bảo an toàn tài chính.

- Các chỉ số khả năng sinh lời tăng so với cùng kỳ, do năm 2025 tình hình kinh doanh tích cực.

2.2. Tình hình thực hiện hoạt động đầu tư

Tổng hợp giá trị đầu tư của ALS tính tới 31/12/2025:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện đến 31/12/2025	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Đầu tư góp vốn	1000.đ	313.940.000	16.920.000	5,4%
2	M&A	1000.đ			
3	Dự án chuyển tiếp	1000.đ	37.154.107	4.516.317	12,2%
4	Dự án mới	1000.đ	11.700.000	2.502.000	21,4%
5	Đầu tư tài sản	1000.đ	5.000.000	4.732.000	94,6%
	Tổng	1000.đ	367.794.107	28.670.317	7,8%

- Dự án đầu tư góp vốn của ALS đang trong quá trình thực hiện, trong năm 2025 do tình hình bất ổn về quan hệ chính trị và thương mại quốc tế một số dự án chưa được triển khai hoặc dừng triển khai, tuy nhiên một số dự kiến vẫn sẽ được tiếp tục triển khai và chuyển tiếp sang 2026. Trong năm 2025, ALS đã hoàn thành tăng vốn cho 2 đơn vị thành viên là TNG và KVH lần lượt 6,90 tỷ đồng và 10,02 tỷ đồng.

2.3. Tình hình thực hiện công tác tổ chức bộ máy và quản trị nguồn nhân lực

- Tối ưu, tinh gọn bộ máy quản trị và điều hành tại ALS.
- Áp dụng hiệu quả và cải tiến phần mềm quản trị Văn phòng E-Office.
- Sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành (Quy chế quản trị và điều hành, Quy định đầu tư, quy định quản lý hoạt động người đại diện theo ủy quyền,...).

2.4. Tình hình phát triển Công nghệ thông tin (CNTT)

Nghiên cứu, phát triển, triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ kinh doanh khai thác và công tác quản trị doanh nghiệp.

- Phát triển phần mềm nghiệp vụ Ga hàng hóa HKKD/ AFS, nâng cấp lên hệ thống ALS Logistics System.
- Áp dụng trí tuệ nhân tạo AI, chat bot ngay trên ứng dụng để hỗ trợ nghiệp vụ quản lý khai thác hàng hóa.
- Đầu tư ứng dụng phần mềm quản lý nguồn nhân lực (HRM).
- Đảm bảo an ninh, an toàn bảo mật cơ sở dữ liệu.

2.5. Truyền thông nội bộ và văn hóa doanh nghiệp

Triển khai đầy mạnh các hoạt động truyền thông, sự kiện nội bộ (hoạt động thể thao, du lịch, ngày truyền thống). Các hoạt động tự nguyện được thực hiện tích cực, đều đặn góp phần vì mục đích chung của địa bàn và thành phố.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1 Thuận lợi

- Môi trường chính trị ổn định, tăng trưởng vĩ mô nội địa mạnh mẽ, kinh tế Việt Nam kỳ vọng bứt phá với mục tiêu GDP đạt trên 10% và thu nhập bình quân đầu người tăng cao (5.400 - 5.500 USD), thúc đẩy sức mua và nhu cầu tiêu dùng nội địa.
- Ngành Logistics Việt Nam được định hướng duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 12–15%/năm theo Chiến lược phát triển logistics quốc gia, cùng với sự mở rộng hạ tầng giao thông và chuyển đổi số, thị trường Logistics kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tích cực, với nhu cầu ngày càng lớn với các dịch vụ kho vận, phân phối và logistics tích hợp có giá trị gia tăng cao.
- Động lực từ dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) được dự báo tiếp tục duy trì và gia tăng tại Việt Nam, các dự án sản xuất công nghệ cao (vi mạch, bán dẫn, bo mạch điện tử) với tổng vốn hàng tỷ USD từ Foxconn, Goertek, Victory Giant đồng loạt đi vào vận hành từ năm 2026, tạo ra nguồn cầu dịch vụ logistics công nghiệp lớn.
- Năm 2026, Cục Hàng không Việt Nam đề xuất chỉ tiêu sản lượng hàng hóa vận chuyển hàng không đạt khoảng 1,6 triệu tấn, tương ứng mức tăng 15% so với năm 2025.
- Thị trường TMĐT tăng tốc với dự báo đạt 50 tỷ USD vào năm 2030 và mức tăng trưởng 25,5% hàng năm, mạng vận tải hàng chuyển phát nhanh sẽ tiếp tục ghi nhận sản lượng và doanh thu tăng trưởng.

1.2 Khó khăn

- Tăng trưởng thương mại hàng hóa toàn cầu giai đoạn 2026–2027 được dự báo ở mức thấp do tác động kéo dài của thuế quan, chủ nghĩa bảo hộ và xung đột địa chính trị. Điều này khiến dòng hàng hóa quốc tế biến động khó lường.
- Chính sách thuế của Mỹ, cùng với các quy định chặt chẽ về xuất xứ, có thể làm suy giảm năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Nếu doanh nghiệp sản xuất không đáp ứng được yêu cầu về xuất xứ và minh bạch chuỗi cung ứng, sản lượng xuất nhập khẩu và theo đó là nhu cầu logistics sẽ chịu tác động.
- Xung đột quân sự tại Trung Đông có thể trực tiếp ảnh hưởng đến các tuyến trung chuyển năng lượng và vận tải quốc tế, khiến giá năng lượng chi phí logistics toàn cầu tăng mạnh, làm gián đoạn hoạt động vận chuyển hàng hóa trong đó có theo đường hàng không đến khu vực này. Điều này có thể tác động tới Việt Nam do nền kinh tế có độ mở cao, phụ thuộc lớn vào xuất khẩu và nhập khẩu đầu vào năng lượng.
- Các dự án logistics lớn đã nêu trong báo cáo 2025 đang trong quá trình triển khai

gây áp lực lên hoạt động kinh doanh của hệ thống ALS. Hiện tại, hệ thống ALS đã chủ động bám sát thông tin và đang thực hiện các kế hoạch để thích ứng với sự thay đổi này.

2. Định hướng kinh doanh 2026

2.1 Định hướng về lĩnh vực kinh doanh của ALS

- Về hoạt động điều hành: bám sát các biến động của môi trường kinh doanh, thị trường và quy hoạch logistics quốc gia/thủ đô để định hướng phát triển kinh doanh và điều hành. Đảm bảo tăng trưởng phát triển và quản trị chi phí tối ưu. Tập trung vào việc nâng cấp hệ thống công nghệ để tự động hóa quy trình, từng bước thực hiện chuyển đổi xanh và phát triển bền vững.
- Về hoạt động phát triển kinh doanh: Chuyển từ giai đoạn rà soát sang giai đoạn tăng tốc và mở rộng hệ sinh thái:
 - Tối ưu chi phí và lợi nhuận: Tập trung nâng cao năng lực xử lý hàng hóa tại các địa bàn trọng điểm như Ga hàng hóa kéo dài, khu chuyển phát nhanh, đặc biệt là đẩy mạnh hiệu suất sân bay Nội Bài để khai thác tối đa tài sản sẵn có.
 - Mở rộng sản xuất kinh doanh: Đẩy mạnh phát triển các Trung tâm Logistics mới và hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu quốc tế. Ưu tiên phát triển dịch vụ logistics đa phương thức (kết nối đường bộ, đường sắt, hàng không) và vận tải xuyên biên giới.
 - Nghiên cứu cơ hội M&A để kéo dài chuỗi giá trị và các dịch vụ giá trị gia tăng tích hợp công nghệ số nhằm hoàn thiện chuỗi cung ứng hiện hữu hướng tới phát triển xanh và bền vững.

2.2 Định hướng các hoạt động chức năng

2.2.1. Định hướng quản trị hệ thống

- Nghiên cứu làm rõ hơn mối quan hệ và cơ chế quản lý điều hành giữa công ty mẹ với các công ty thành viên đồng thời rà soát lại cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của một số bộ phận (ĐT & PTKD, CNTT, PTNNL) để đảm bảo được tốt hơn vai trò dẫn dắt và kiểm soát của công ty mẹ.
- Rà soát và cập nhật nội dung, công cụ triển khai đối với một số hệ thống quản trị đã được xây dựng nhằm cải tiến và nâng cao khả năng thực thi (hệ thống KPI, khung năng lực, đãi ngộ...).
- Triển khai chương trình xây dựng và phát triển các năng lực cần thiết (bao gồm năng lực kinh doanh và năng lực số) nhằm đáp ứng các yêu cầu của thị trường và cạnh tranh.

2.2.2. Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao hình ảnh thương hiệu nhà tuyển dụng thông qua quảng bá môi trường và văn hóa làm việc thân thiện để thu hút nguồn nhân lực, chuyên gia có chất lượng cao trong các lĩnh vực chuyên ngành Logistics mà công ty đang triển khai.

- Triển khai các giải pháp tăng cường sự hài lòng và gắn kết của đội ngũ nhân sự để giữ chân và thu hút lực lượng lao động chuyên ngành có tay nghề cao, có năng lực tốt gia nhập công ty.
- Xây dựng chiến lược phát triển văn hóa doanh nghiệp và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm lan tỏa và tích hợp các giá trị cốt lõi vào các hoạt động hàng ngày của công ty.
- Đầu tư nâng cao năng lực nhân sự trẻ, đặc biệt là cấp trung và quản lý, để đáp ứng nhu cầu phát triển mở rộng, bắt kịp xu hướng Logistics xanh, Logistics giá trị cao trong xu thế kinh tế chuyển dịch.

2.2.3. Định hướng chuyển đổi số

- Tận dụng xu hướng số hóa trong ngành để xây dựng và thực hiện chiến lược chuyển đổi số
- Triển khai dự án nâng cao trải nghiệm khách hàng, xây dựng hành trình trải nghiệm khách hàng ở một số đơn vị thành viên:
 - Đầu tư vào R&D và liên kết chiến lược để phát triển sản phẩm logistics thông minh.
 - Thành lập bộ phận nghiên cứu đổi mới logistics thông minh.
- Xây dựng nền tảng quản trị logistics bằng dữ liệu (data- driven SCM), kết nối với các hệ thống của khách hàng và đối tác để theo dõi vận hành, cảnh báo sớm, tối ưu chi phí
- Hoàn thiện quy trình khai thác, vận hành và đầu tư đồng bộ hệ thống giải pháp, ứng dụng công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả vận hành của hệ thống kho hàng hóa.

2.2.4. Định hướng chiến lược phát triển bền vững

- Nghiên cứu xây dựng chiến lược chuyển đổi ESG để hướng tới sự phát triển bền vững và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng
- Phát triển các dịch vụ theo hướng thân thiện môi trường để đón đầu xu hướng
- Phát triển các giải pháp logistics xanh, bền vững dựa trên năng lực tài chính và văn hóa nội bộ gắn kết, đón đầu xu hướng chuyển đổi kinh tế VN và cơ hội đầu tư dài hạn từ nhà nước
- Thúc đẩy các sáng kiến giảm khí thải carbon và sử dụng nhiên liệu sinh học, đáp ứng yêu cầu về giảm khí thải và phát triển bền vững trong ngành
- Tăng cường truyền thông và định hướng tư duy xanh và phát triển trong đội ngũ cán bộ nhân viên để hình thành văn hóa xanh và bảo vệ môi trường

3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026

3.1 Chỉ tiêu kinh doanh

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu ALS riêng		Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu HỢP NHẤT		Tỷ lệ (%)
		Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026		Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	
1	TỔNG DOANH THU	330.982.346	382.294.202	116%	2.301.155.071	2.463.875.766	107%
2	TỔNG CHI PHÍ	83.898.823	82.106.367	98%	1.350.999.238	1.494.789.775	111%
3	LNTT	247.083.523	300.187.835	121%	950.155.832	969.085.990	102%
4	LNST	243.083.308	298.608.592	123%	854.019.508	877.613.295	103%
5	VỐN ĐIỀU LỆ	1.102.723.680	1.102.723.680	100%			
6	TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC	Dự kiến 33% (Bằng tiền)	Dự kiến 25% (Bằng tiền)				
7	NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ (*)	28.670.317	425.303.837	1483%			
7.1	Đầu tư góp vốn	16.920.000	252.907.500	1495%			
7.2	M&A	0	0				
7.3	Dự án chuyển tiếp	7.018.317	36.396.337	519%			
7.4	Dự án mới	0	131.000.000				
7.5	Đầu tư tài sản	4.732.000	5.000.000	106%			

(*) Theo phê duyệt của HĐQT tại nghị quyết 09/NQ-HĐQT/ALS ngày 24/03/2026, ngân sách đầu tư là 425.304 triệu đồng.

3.2 Kế hoạch dòng tiền

Căn cứ theo kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư 2026 của ALS dòng tiền trong năm 2026 của ALS dự kiến như sau:

Dvt: triệu đồng

Stt	Dòng tiền	Q1	Q2	Q3	Q4	Cả năm
I	Dòng tiền vào	287,409	194,986	51,726	175,502	709,623
1	Dòng thu từ hoạt động SXKD	21,668	21,156	22,489	23,108	88,421
2	Dòng thu từ hoạt động đầu tư	85,409	173,830	29,237	152,394	440,871
3	Dòng thu từ hoạt động tài chính	180,331	-	-	-	180,331
4	Dòng tiền vào khác (thu khác)	-	-	-	-	-
II	Dòng tiền ra	348,377	327,030	230,264	112,046	1,017,716
1	Chi hoạt động SXKD	12,046	12,046	12,046	12,046	48,182
2	Chi hoạt động đầu tư	60,650	134,653	130,000	100,000	425,304
3	Chi hoạt động tài chính	275,681	180,331	88,218	-	544,230
4	Chi khác	-	-	-	-	-
III	Chênh lệch dòng tiền vào - ra	- 60,968	-132,044	-178,538	63,457	- 308,093
IV	Dư tiền đầu kỳ	451,842	390,874	258,830	80,292	451,842
V	Dư tiền cuối kỳ	390,874	258,830	80,292	143,748	143,748

- ALS dự kiến thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh 88,4 tỷ đồng bao gồm thu từ các hoạt động dịch vụ đào tạo, CNTT, cho thuê tài sản và thương hiệu.
- Tổng dòng tiền vào từ hoạt động đầu tư là 440,9 tỷ đồng, chủ yếu từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con và các công ty ALS có vốn góp.

- Trong quý 1/2026, ALS thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 25%. Theo đó, để đảm bảo tối ưu nguồn thu từ lãi suất của các hợp đồng tiền gửi, ALS sử dụng các hợp đồng tiền gửi để thế chấp vay 180,331 tỷ để bổ sung nguồn chi trả cổ tức và tất toán khoản vay này trong quý 2/2026 khi các hợp đồng tiền gửi đáo hạn.
- Bên cạnh các khoản chi hoạt động thường xuyên, dự kiến trong năm 2026, ALS thực hiện đầu tư, góp vốn với tổng giá trị khoảng 425,3 tỷ đồng. Bao gồm, góp thêm vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Hạ Tầng ALS (ALSI) 80 tỷ, Công ty Cổ phần Khang Việt Hà (KVH) 20 tỷ, Dự án Phú Thị 52,9 tỷ, dự án Đức Thượng hợp tác với ILS 29,7 tỷ và các khoản đầu tư công nghệ thông tin,...
- Ngoài ra, nếu ĐHCĐ phê duyệt, ALS dự kiến thực hiện chi cổ tức 2025 lần 2 bằng tiền với tỷ lệ 8%, tương đương 88,2 tỷ đồng, nâng mức cổ tức năm 2025 bằng tiền trả cho các cổ đông hiện hữu lên 33%.

Trên cơ sở số liệu và kế hoạch dòng tiền thu và chi trong năm 2026 như đã nêu. Dòng tiền hoàn toàn đủ để đảm bảo hoạt động kinh doanh và đầu tư trong năm 2026 của ALS. Trong trường hợp phát sinh nhu cầu vốn cho các dự án hoặc đầu tư vốn thêm vào các đơn vị, ALS có thể sử dụng các giải pháp sau để bổ sung vốn, bao gồm:

- + Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu hoặc cổ đông chiến lược.
- + Thực hiện huy động vốn thông qua phát hành Trái phiếu hoặc Trái phiếu chuyển đổi.
- + Thực hiện huy động vốn từ nguồn Tín dụng ngân hàng.
- + Tạm ứng cổ tức từ các đơn vị trong hệ thống.
- + Hợp tác, liên danh, liên kết với các đối tác để thực hiện dự án.

Tổng Giám đốc sẽ căn cứ vào tình hình thực tế và đề xuất các giải pháp phù hợp đảm bảo hiệu quả và lợi ích của ALS.

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Kính trình đại hội xem xét thông qua ./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Vĩnh Hùng